| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HIỆP HÒA**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 93/2023/DS-ST

Ngày 09 tháng 8 năm 2023

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Ngô Thanh Thuần

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1, Ông Nguyễn Xuân Trường

2, Ông Lê Thanh Miện

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc- Thư ký Tòa án.

***- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa:*** Bà Nguyễn Hồng Hạnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94b/2023/QĐXXST-DS ngày 07/07/2023: Quyết định hoãn phiên tòa số 106/QĐST-DS ngày 24/7/2023 giữa:

* ***Nguyên đơn***: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn Trung T, xã Hợp Th, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

**** Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:***

+ Ông Vũ Văn X, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu Phương Vỹ, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

+ Ông Trần Tuấn L, sinh năm 1999. Địa chỉ: Khu 2, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

+ Bà Trần Tuấn L, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn Dõng, xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

+ Bà Nguyễn Thuỳ D, sinh năm 2001. Địa chỉ: Thôn Trạm Trai, xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

(Có đơn xin vắng mặt)

* ***Bị đơn***: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1985 ( Có mặt);

Địa chỉ: Thôn Trung T, xã Hợp Th, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Bà Phạm Thị T- Sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Trung T, xã Hợp Th, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Anh Phạm Văn T- Sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Trung T, xã Hợp Th, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2022, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa ông và chị Nguyễn Thị G là chỗ quen biết, vào ngày 09/12/2018 chị Giang có đến nhà ông đặt vấn đề vay số tiền 30.000.000 đồng để phục vụ nhu cầu chi tiêu cá nhân. Giữa ông và chị Giang có viết giấy vay tiền, chị Giang ký trực tiếp vào mục người vay tiền. Trong giấy vay tiền không ghi thời hạn vay và lãi suất. Tuy nhiên, sau đó, ông có nhiều lần đòi chị Giang số tiền nhưng đến nay chị Giang vẫn không trả cho ông tiền mà cứ khất nợ nhiều lần. Do đó, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu chị Giang phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ thời điểm vay tiền ngày 09/12/2018 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09/8/2023 tính tròn là 56 tháng. Số tiền lãi là 14.000.000 đồng.

*Bị đơn là chị Nguyễn Thị G tại bản ghi lời khai và tại phiên tòa trình bày:* Chị và vợ chồng ông Liễn có mối quan hệ quen biết nhau. Do thiếu vốn phát triển kinh tế gia đình nên ngày 09/12/2018 chị có vay của ông Liễn số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận theo lãi suất ngân hàng là 10%/năm, thời hạn vay thỏa thuận là 01 tháng; tuy nhiên chỉ thỏa thuận bằng miệng, không ghi vào văn bản. Giấy vay tiền do chị viết và ký tên xác nhận bên dưới mục người vay tiền. Tuy nhiên, do chị làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả mặc dù ông Liễn đã đòi chị nhiều lần. Nay ông Liễn yêu cầu chị trả số tiền gốc và tiền lãi thì chị đồng ý, tuy nhiên chị xin được trả dần tiền gốc còn tiền lãi thì chị đề nghị xin không phải trả vì hoàn cảnh kinh tế gia đình chị đang khó khăn.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T:* Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Liễn chồng bà.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn T:* anh Tuấn từ chối làm việc với Tòa án và quan điểm sẽ không khai nhận bất kì điều gì vì anh không liên quan đến việc vợ anh là chị Giang vay tiền của ông Liễn.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Căn cứ Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466,

Điều 470, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị HĐXX xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L. Buộc chị Nguyễn Thị G có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Liễn tổng số tiền là 44.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 14.000.000 đồng).

- Về án phí: Chị Giang phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.200.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn T được tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên, là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2.1]- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L yêu cầu chị Nguyễn Thị G trả khoản tiền vay là 30.000.000 đồng. Các bên có giao kết bằng văn bản, nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản (theo điều 463- Bộ luật dân sự). Khi có tranh chấp nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết, xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

[2.2]- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về thời hiệu khởi kiện: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L yêu cầu chị Nguyễn Thị G trả số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng thì thấy: Theo lời trình bày của nguyên đơn ông Liễn; đại diện theo ủy quyền của ông Liễn và Bị đơn chị Giang và các tài liệu có trong hồ sơ thì xác định: Giữa ông Liễn và chị Giang là chỗ quen biết và có quan hệ vay tiền với nhau. Theo như ý kiến trình bày của ông Liễn thì ông có cho chị Giang vay số tiền 30.000.000 đồng, việc vay tiền giữa ông và chị Giang giấy biên nhận vay tiền, chị Giang là người ký nhận, mục đích chị Giang vay tiền để phục vụ nhu cầu chi tiêu cá nhân, nên ông khởi kiện yêu cầu chị Giang phải trả số tiền vay.

Chị Nguyễn Thị G thừa nhận có vay ông Liễn số tiền 30.000.000 đồng và hiện còn nợ ông Liễn số tiền 30.000.000 đồng, ông Liễn khởi kiện yêu cầu chị phải trả số tiền nợ, chị đồng ý, nhưng chị xin được trả dần.

Như vậy có cơ sở để khẳng định chị Nguyễn Thị G vay tiền của ông Nguyễn Văn L và hiện còn nợ vợ chồng ông Liễn số tiền 30.000.000 đồng là có thật. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với yêu cầu khởi kiện chị Nguyễn Thị G là phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Đối với anh Phạm Văn T là chồng của chị Nguyễn Thị G, anh Tuấn không ký nhận trong giấy biên nhận vay tiền; nguyên đơn tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đều xác định chị Giang vay tiền để phục vụ nhu cầu chi tiêu cá nhân, chỉ yêu cầu một mình chị Giang phải trả số tiền nợ gốc và tiền lãi đã vay, do đó cần xác định đây là công nợ riêng của chị Nguyễn Thị G.

Đối với yêu cầu về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu chị Nguyễn Thị G phải trả lãi suất là 10%/năm, bị đơn chị Giang đề nghị do khó khăn nên xin lãi xuất, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không đồng ý và vẫn yêu cầu về lãi suất, nên cần áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi xuất là 10% trên năm là phù hợp. Do vậy chị Nguyễn Thị G phải chịu tiền lãi suất của số tiền chưa thành toán như sau.

Từ ngày 09/12/2018 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09/8/2023 tính tròn là 56 tháng. Số tiền lãi là: (30.000.000 x 10% x 56 : 12) = 14.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền chị Nguyễn Thị G phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L là 44.000.000 đồng (Trong đó số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi 14.000.000 đồng)

[5]- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận ông Nguyễn Văn L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ( Ông Liễn thuộc thuộc đối tượng người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí).

[6]- Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

Buộc chị Nguyễn Thị G có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn L bà Phạm Thị T tổng số tiền là 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng) trong đó (tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 14.000.000 đồng).

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa,
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Ngô Thanh Thuần**

**Các Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Thanh Thuần**